

MỤC LỤC

Trang

DANH MỤC BẢNG.....	iv
Phần 1	1
MỞ ĐẦU	1
1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng:	1
2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững:.....	2
Chương 1.....	3
CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	3
I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC.....	3
1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương:	3
2. Văn bản của địa phương:	4
II. CAM KẾT QUỐC TẾ.....	5
III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG.....	5
1. Các quyết định:	5
2. Các tài liệu điều tra chuyên đề:	6
3. Các loại bản đồ:.....	6
Chương 2.....	7
ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ.....	7
I. THÔNG TIN CHUNG.....	7
II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỎ NHƯỜNG ..	8
1. Vị trí địa lý, địa hình:	9
2. Khí hậu:	9
3. Thủy văn:	10
4. Địa chất và thổ nhưỡng:	10
III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	10
1. Dân số, dân tộc, lao động:.....	10
2. Kinh tế:	10
3. Xã hội:	11
IV. GIAO THÔNG	11
1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực:	11

2. Hệ thống giao thông đường thủy.....	12
V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG	12
1. Những loại dịch vụ môi trường rừng mà đơn vị đang triển khai, thực hiện: .	12
2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường:.....	12
VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	13
1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất:.....	13
2. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất: .	14
VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG.....	15
1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng:.....	15
2. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các loại rừng:	15
VIII. HIỆN TRẠNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN.....	16
1. Thống kê số lượng, diện tích văn phòng, nhà, xưởng, trạm hiện có:.....	16
2. Thống kê số lượng phương tiện, thiết bị:	17
3. Kết quả các chương trình, dự án đã thực hiện:	17
IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	17
1. Quản lý rừng tự nhiên:	17
2. Quản lý rừng trồng:	18
3. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng:	19
4. Quản lý lâm sản ngoài gỗ:.....	20
5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học:	20
X. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA (03) NĂM LIÊN TIẾP LIỀN KÈ:	21
Chương 3.....	23
MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN	23
I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG.....	23
1. Mục tiêu chung.....	23
2. Mục tiêu cụ thể.....	23
II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT:.....	24
III. KẾ HOẠCH KHOÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TẠI CHỖ	24

1. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng:.....	24
2. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý.....	25
IV. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	25
1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học:	25
2. Kế hoạch phát triển rừng đặc dụng	27
3. Khai thác lâm sản:	29
4. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực:	30
5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng:.....	30
6. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng:	30
VI. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	31
1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững:	31
2. Nguồn vốn đầu tư:.....	32
VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	33
1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực:	33
2. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan:	34
3. Giải pháp về khoa học, công nghệ:	34
4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư:	35
VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN	35
1. Hiệu quả về kinh tế	35
2. Hiệu quả về xã hội.....	35
3. Hiệu quả về môi trường:	36
Chương 4.....	37
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	37
I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ.....	37
1. Xác định phương hướng nhiệm vụ cụ thể của công ty:	37
2. Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của công ty:	37
II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT.....	39
1. Mục tiêu:	39
2. Các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá	39
III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	40

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 2.1: Hiện trạng các loại rừng và đất rừng theo đơn vị hành chính	14
Bảng 2.2: Hiện trạng, chất lượng các loại rừng	15
Bảng 2.3: Tổng hợp diện tích, trữ lượng các loại rừng.....	16
Bảng 2.4: Thống kê các hạng mục cơ sở vật chất.....	17
Bảng 2.5: Thống kê phương tiện, thiết bị	17
Bảng 2.6: Kết quả trồng rừng giai đoạn 2016-2020	19
Bảng 2.7: Thống kê kết quả quản lý bảo vệ rừng giai đoạn 2016-2020	19
Bảng 2.8: Khu hệ thực vật rừng.....	21
Bảng 2.9: Thành phần loài động vật hoang dã.....	21
Bảng 2.10: Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018-2020	22
Bảng 3.1: Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030	24
Bảng 3.2: Tổng hợp diện tích khu rừng có giá trị bảo tồn cao (HCV1)	27
Bảng 3.3: Tổng hợp vị trí, diện tích khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên	28
Bảng 3.4: Kế hoạch thu hái Mắc ca	29
Bảng 3.5: Kế hoạch và dự kiến sản lượng thu hái Mắc ca.....	30
Bảng 3.6: Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư	31
Bảng 3.7: Tổng hợp đầu tư theo nguồn.....	32

Phần 1

MỞ ĐẦU

1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Trạm Lập (sau đây gọi tắt là Công ty Trạm Lập) là một trong 11 doanh nghiệp lâm nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Công ty Trạm Lập nằm trên địa bàn huyện K'Bang được UBND tỉnh giao quản lý, sử dụng và phát triển rừng trên diện tích 10.307,87 ha (đến thời điểm 29/4/2020). Độ che phủ rừng trên toàn diện tích đất lâm nghiệp do Công ty quản lý là 99,14%. Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Trạm Lập tiền thân là Lâm trường 2 được thành lập theo Quyết định số 768/TC-CB ngày 28/11/1984 của Bộ Lâm nghiệp, thuộc Liên hiệp Lâm - Nông - Công nghiệp Kon Hà Nừng. Từ năm 1996 được chuyển giao về UBND tỉnh Gia Lai quản lý, qua các thời kỳ từ năm 1984 đến nay được chuyển đổi và có tên gọi khác nhau là Lâm trường 2; Công ty Lâm nghiệp Trạm Lập, được chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Trạm Lập, thực hiện theo Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ về chuyển đổi “Công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu”. Theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 23/3/2011 của UBND tỉnh Gia Lai “về việc chuyển Công ty Lâm nghiệp Trạm Lập thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Trạm Lập”. Chức năng, nhiệm vụ chính của Công ty Trạm Lập là quản lý bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng theo kế hoạch của phương án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phối hợp với chính quyền địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng địa phương trong các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, tạo việc làm cho họ thông qua các hợp đồng kinh tế. Công ty Trạm Lập thực hiện các hoạt động chính sau:

- Dịch vụ công ích: Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đối với diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo đặt hàng hoặc giao kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh.
- Sản xuất và cung ứng sản phẩm:
 - + Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng trồng;
 - + Kinh doanh vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
 - + Xây dựng tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp;
 - + Khai thác, chế biến gỗ rừng trồng;
 - + Thực hiện một số nhiệm vụ khác khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững:

Thực hiện Luật Lâm nghiệp được Quốc hội ban hành ngày 15/11/2017 yêu cầu “Chủ rừng là tổ chức phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững”. Do vậy, quản lý rừng bền vững (QLRBV) đã trở thành một nguyên tắc, nhiệm vụ bắt buộc đối với quản lý, bảo tồn, bảo vệ và phát triển rừng. Quản lý rừng bền vững là xu hướng tất yếu của ngành lâm nghiệp thế giới nói chung và của mỗi quốc gia nói riêng.

Thực hiện Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án quản lý rừng và chứng chỉ rừng và Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt ban hành kế hoạch thực hiện đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về quản lý rừng bền vững. Theo đó, phương án quản lý rừng bền vững có thời gian thực hiện tối đa 10 năm với các nội dung: Đánh giá hiện trạng rừng, quản lý rừng và sử dụng đất; Xác định các mục tiêu quản lý rừng và hệ sinh thái bền vững; Xác định các nội dung hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng, đất rừng và hệ sinh thái; Xác định các giải pháp thực hiện phương án, gồm giải pháp về vốn đầu tư (vốn ngân sách Nhà nước, tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế,...).

Về khách quan, xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững là thực hiện chỉ đạo của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng trong giai đoạn hiện nay. Về chủ quan, Công ty xây dựng phương án quản lý rừng bền vững nhằm xác định các biện pháp cơ bản trong quản lý phát triển tài nguyên rừng bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng rừng, thu hút nguồn lực, đầu tư để tái tạo lại rừng, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, xóa đói giảm nghèo, thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, ổn định, từng bước nâng cao đời sống cho nhân dân trong vùng.

Chương 1

CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương:

Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp;

Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Quyết định số 523/QĐ-TTg, ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững;

Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;

Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;

Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;

Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06 tháng 7 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong điều tra quy hoạch rừng.

2. Văn bản của địa phương:

Nghị quyết 100/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030 tỉnh Gia Lai;

Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030 tỉnh Gia Lai;

Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 2926/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Gia Lai về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh;

Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt công trình xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt các hệ số K thành phần làm cơ sở để tính toán mức tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng rừng;

Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Ban hành Quy định một số nội dung về chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Gia Lai Phê duyệt Kế hoạch quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Văn bản số 2206/UBND-NL ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững của các chủ rừng trên địa bàn tỉnh;

Văn bản số 1266/SNNPTNT-CCKL ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững của các Đơn vị chủ rừng;

Văn bản số 1796/SNNPTNT-CCKL ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng kế hoạch, đề cương, dự toán chi phí lập Phương án Quản lý rừng bền vững của các chủ rừng;

Kế hoạch số 695/KH-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thực hiện Quyết định 297/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030 tại tỉnh Gia Lai.

II. CAM KẾT QUỐC TẾ

Những Công ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia bao gồm:

- CITES (1975): Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora - Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Luật Lao động quốc tế: International labour law (Labour standards) của Tổ chức Lao động Quốc tế (International Labour Organization, viết tắt ILO) thuộc Liên Hiệp Quốc.

- Hiệp định về đa dạng sinh học (1992): Convention on Biological Diversity.

- Thỏa thuận về gỗ nhiệt đới thế giới (International tropical timber agreement – ITTA) (2006) của Tổ chức gỗ nhiệt đới thế giới (International tropical timber organization - ITTO).

III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

1. Các quyết định:

- Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 23/3/2011 của UBND tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trạm Lập;

- Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trạm Lập thuê 526.682,0 m² đất để sử dụng vào mục đích Trụ sở làm việc và sản xuất, kinh doanh rừng trồng sản xuất tại xã Đăk Roong và xã Sơn Lang, huyện Kbang.

- Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao 102.552.051,4 m² đất Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trạm Lập để sử dụng vào mục đích quản lý, bảo vệ rừng tại xã Đăk Roong và xã Sơn Lang, huyện Kbang.

- Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Các tài liệu điều tra chuyên đề:

Phương án sử dụng đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai phê duyệt.

Các tài liệu liên quan đến các công trình lâm sinh.

Kết quả rà soát, quy hoạch lại ba loại rừng năm 2021.

3. Các loại bản đồ:

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo Quyết định số 44 và số 45/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020.

Bản đồ hiện trạng ba loại rừng theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.